TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-20201
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đình Ngân

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 652/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/202021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Long Đ, xã Long V, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Long Đ, xã Long V, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Quang V chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long Thành N, huyện Hòa Th, tỉnh Tây Ninh năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, anh V không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu về say xỉn, đánh đập chị, chị có báo công an nhưng công an chỉ xuống làm việc nhưng không lập biên bản, hàng xóm láng giềng gần bên nhà ai cũng biết nhưng vì anh V tính tình cọc cằn thô lỗ nên mọi người sợ và không ai dám đứng ra làm chứng cho chị. Chị và anh V ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 02/02/2009 và Nguyễn Trọng Kh, sinh ngày 29/02/2016. Từ khi hai vợ chồng ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, hai con chung sống cùng với chị, anh V chưa lần nào về thăm con, cũng không phụ giúp chị tiền nuôi con. Nay chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng cũng không nợ ai.

Anh Nguyễn Quang V không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố dụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị M đối với anh V; giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét. Chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng M vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh V không đến tòa án. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V. Riêng chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của chị M Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 2018 nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa chị M và anh V là hợp pháp. Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho

đến khi mở phiên tòa xét xử anh V không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị M yêu cầu ly hôn. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh V có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh, xem như anh V không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị M, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Chị M cho rằng anh V không có trách nhiệm khi chung sống với chị, không lo làm ăn để vun đắp cho gia đình. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[4] Về con chung: con chung có nguyện vọng sống với mẹ, chị M yêu cầu được nuôi con nên xét thấy cần giao con chung là Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 02/02/2009 và Nguyễn Trọng Kh, sinh ngày 29/02/2016 cho chị M trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: chị M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Chị M xác định vợ chồng không nợ ai.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị Hồng M đối với anh Nguyễn Quang V.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Nguyễn Quang V.

Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 02/02/2009 và Nguyễn Trọng Kh, sinh ngày 29/02/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, chị trình bày vợ chồng không nợ ai.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007628 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.